

PHỤ LỤC 4

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - ĐỊA BÀN HUYỆN EA H' LEO

Kèm theo nghị quyết số 34/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 của HĐND tỉnh

DVT: đồng/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
I	THỊ TRẤN EADRĂNG					
1	A Ma Trang Long	Đầu đường (Điện lực)	Nguyễn Chí Thanh(Ô. Qua Huyện Ủy)	950,000		1,050,000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (nhà ông Bách)	1,100,000		1,430,000
2	Điện Biên Phủ (TL 15)	Đường Giải phóng	Trần Phú (ngã 4 Ngân hàng)	1,000,000		1,400,000
		Trần Phú (ngã 4 Ngân hàng)	Nguyễn Trãi (nhà ông Lô)	1,900,000	1,900,000	
		Nguyễn Trãi (nhà ông Lô)	Hẻm nhỏ (nhà ông Bảy Chánh)	800,000		1,200,000
		Hẻm nhỏ (nhà ông Bảy Chánh)	Giáp địa giới xã DiênYang	650,000	650,000	
3	Giải Phóng	Km 643 - 200 (Ngã 3 thủy điện)	Km 641 + 400 (Xăng dầu Hoa Nga)	500,000	500,000	
		Km 641 + 400 (Xăng dầu Hoa Nga)	Cầu EaKhải	650,000	650,000	
		Cầu EaKhải	Phan Chu Trinh (bà Tu)	1,200,000	1,200,000	
		Phan Chu Trinh (bà Tu)	Xô Viết Nghệ Tĩnh (nhà Hồng Đông)	2,400,000		2,600,000
		Xô Viết Nghệ Tĩnh (nhà Hồng Đông)	A Ma Trang Long (Điện lực)	1,400,000	1,400,000	
		A Ma Trang Long (Điện lực)	Đường vào Nghĩa địa Thị trấn(Ô. Quyền)	1,200,000	1,200,000	
		Đường vào Nghĩa địa Thị trấn(Ô. Quyền)	Hết Trạm Khí tượng thủy văn	700,000	700,000	
		Hết Trạm Khí tượng thủy văn	Giáp địa giới xã Ea Răl	850,000		1,000,000
4	Lê Duẩn	Giải phóng (Bình honda)	Quang Trung (Hết nhà ông Một)	700,000	700,000	
5	Lê Thị Hồng Gấm	Đầu đường (bà Hường chè)	Hết đường	1,100,000		1,300,000
6	Lý Tự Trọng	Điện Biên Phủ (ngã 4 ngân hàng)	A Ma Trang Long (cây xăng Tiến Nguyên)	850,000	850,000	
		A Ma Trang Long	Nguyễn Chí Thanh (Ô. Long Công an)	500,000		650,000
		Nguyễn Chí Thanh	Giải phóng (ông Nhị Cây cảnh)	400,000		550,000
7	Lý Thường Kiệt	Đầu đường (Điện Biên Phủ)	Hết đường (đường Quang Trung)	1,000,000	1,000,000	
8	Mạc Thị Bưởi	Đầu đường (Công an huyện)	Hết đường (nhà ông Trúc)	500,000		650,000
9	Ngô Gia Tự	Đầu đường (ông Hương P. kinh tế)	Y Jút (ngã 4)	500,000		600,000
		Y Jút	Hết đường (Vỹ kiểm lâm)	400,000		500,000
10	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Thị Minh Khai	Quang Trung	1,050,000		1,150,000
		Quang Trung	A Ma Trang Long (nhà ông Qua)	1,150,000		1,250,000
		A Ma Trang Long (nhà ông Qua)	Lý Tự Trọng (nhà ông Long Công an)	800,000		950,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Lý Tự Trọng (nhà ông Long Công an)	Giáp ranh buôn Lếch - Lê Đá (ô. Phúc)	500,000		650,000
11	Nguyễn Thị Minh Khai	Đầu đường (Thế An)	Hết đường (nhà ông Tài)	1,600,000		1,900,000
12	Nguyễn Trãi	Đầu đường (nhà ông Lô)	Giáp suối EaDrăng	550,000		650,000
13	Nguyễn Văn Trỗi	Đầu đường (Đổi diện hạt đường bộ)	Giáp ranh giới xã EaKhal	450,000		500,000
14	Nguyễn Văn Cừ	Xô Viết Nghệ Tĩnh (Nhà ông Thao)	Phan Chu Trinh (Hội trường khối 6)	500,000		700,000
		Phan Chu Trinh (Hội trường khối 6)	Giáp xã Ea Khăl (đường dây 500KV)	300,000		400,000
15	Phạm Hồng Thái	Đầu đường (Hiền Ga)	Hết đường (Nguyễn Văn Cừ)	400,000	400,000	
16	Phan Chu Trinh	Đầu đường (Bà Tu)	Hết đường (Nguyễn Văn Cừ)	500,000		600,000
17	Quang Trung	Trần Phú (nhà ông Tư)	Điện Biên Phủ (nhà ông Luận)	550,000		650,000
		Điện Biên Phủ	A Ma Trang Long	650,000		900,000
18	Trần Phú	Điện Biên Phủ (ngã 4 Ngân hàng)	Quang Trung (nhà ông Tư)	2,300,000		2,500,000
		Quang Trung (nhà ông Tư)	Lê Thị Hồng Gấm	2,100,000		2,300,000
19	Trần Quốc Toản	Đầu đường (Cơ sở 2 Trường cấp 3)	Hết đường (Hạt đường bộ)	800,000		950,000
20	Trường Chinh	Điện Biên Phủ (Trường cấp 3)	A Ma Trang Long	900,000	900,000	
		A Ma Trang Long (ông Bách)	Giáp buôn Lếch (ngã 4 buôn lếch)	500,000	500,000	
		Giáp buôn Lếch (ngã 4 buôn lếch)	Hết đường	250,000	250,000	
21	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Giải phóng (nhà Hồng Đông)	Nguyễn Văn Cừ (nhà ông Thao)	900,000	900,000	
		Nguyễn Văn Cừ (nhà ông Thao)	Giáp ranh giới EaKhal (Nhà máy cao su cũ)	800,000		950,000
22	Y Jút	Đầu đường (nhà ông Thao)	Hết đường (nhà Bà Loan)	550,000		650,000
23	Đường đi buôn Lê, buôn Lếch	Điện Biên Phủ (nhà ông Lan Bộ)	Trường Chinh (ngã 4 Buôn lếch)	250,000	250,000	
		Trường Chinh (ngã 4 Buôn lếch)	Hết Ranh giới buôn Lếch	150,000	150,000	
		Ranh giới buôn Lếch	Ranh giới buôn Lê Đá	200,000	200,000	
		Ranh giới buôn Lê Đá	Giải phóng	200,000	200,000	
24	Đường chợ thị trấn	Đầu đường (Giải phóng)	Trần Phú	2,000,000	2,000,000	
25	Các đường trong Thị trấn theo quy hoạch > 3,5m			240,000	240,000	
26	Khu vực còn lại			150,000		180,000
II	XÃ EA NAM					
1	Quốc lộ 14	Từ chợ xã Ea Nam	+ 500m về 2 phía	600,000		750,000
	Quốc lộ 14	Từ chợ xã Ea Nam + 500m	Giáp địa giới xã Ea Khăl	300,000		350,000
	Quốc lộ 14	Từ chợ xã Ea Nam + 500m (hướng Buôn Ma Thuột)	Giáp địa giới xã Cư Né (huyện Krông Buk)			140,000
2	Đường đi thôn 3	Ngã 3 Quốc lộ 14	Đi thôn 3 (+ 500m)	90,000		110,000
		Ngã 3 QL 14 đi thôn 3 (+500m)	1000m	60,000		80,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
3	Đường đi buôn B' Riêng	Ngã 3 Quốc lộ 14	+ 1.000 m	100,000		200,000
		1.000 m	1500m	100,000		100,000
		Đường đi buôn B' Riêng + 1.500m	2500m	100,000		150,000
		2.500 m	Hết nhà Hội trường thôn 5	200,000	200,000	
4	Đường giao thông theo quy hoạch > 3,5m			50,000		70,000
5	Khu dân cư còn lại			30,000	30,000	
III	XÃ DLIÊYANG					
1	Tỉnh lộ 15	Giáp địa giới Thị trấn Ea Đrăng	Hết vườn nhà ông Nguyễn Đồi	550,000		600,000
		Hết vườn nhà ông Nguyễn Đồi	Từ chân dốc Ba Na (Dốc Út liên)	450,000		500,000
		Từ chân dốc Ba na (Dốc Út Liên)	Đến hết Buôn Rài	120,000		170,000
		Đến hết Buôn Rài	Ngã 3 Ea Sol - Ea Hiao	120,000		150,000
		Ngã 3 Ea Sol - Ea Hiao	Giáp địa giới xã Ea Hiao	80,000		100,000
		Ngã 3 Ea Sol - Ea Hiao	Giáp địa giới Xã Ea Sol	80,000		200,000
3	Đường giao thông	Ngã 3 tỉnh lộ 15 (hướng buôn Sec)	Cầu Buôn Sek	300,000	300,000	
4	Khu dân cư có đường > 3,5m theo quy hoạch.			50,000		70,000
5	Khu dân cư còn lại			30,000		50,000
IV	XÃ EASOL					
1	Tỉnh lộ 15	Từ UBND xã Ea Sol về 2 phía	Mỗi phía dài 500m	250,000		350,000
		UBND xã + 500m (hướng B. Cham)	+ 500m	120,000		200,000
		UBND xã + 500m (hướng DliêYang)	+ 500m	100,000		200,000
		T. tâm quy hoạch trường cấp 3	+ mỗi phía dài 500m	80,000		200,000
2	Tỉnh lộ 15 (còn lại)			80,000		90,000
3	Đường liên xã	Ngã 3 Tý Xuyên (hướng Ea Hiao)	Trường tiểu học Nơ Trang Gư	50,000		70,000
		Trường tiểu học Nơ Trang Gư	Buôn Kri	20,000		70,000
4	Khu dân cư có đường > 3,5m theo quy hoạch.			30,000	30,000	
5	Khu dân cư còn lại			20,000		25,000
V	XÃ EAHIAO					
1	Khu trung tâm chợ	Ngã 4 chợ Ea Hiao đi 4 phía	+ 150m	300,000		350,000
2	Trục đường 1	Ngã 4 chợ +150m	Hết UBND xã Ea Hiao	220,000		250,000
		Hết UBND xã Ea Hiao	Ngã 3 Buôn Bìr (đi xã Ea Sol)	80,000		100,000
		Ngã 3 Buôn Bìr (đi xã Ea Sol)	Cầu Buôn Krái	50,000		40,000
		Cầu Buôn Krái	Trường TH Lê Lai	50,000		30,000
3	Trục đường 2	Ngã 4 chợ +150m	Cầu thôn 5A	100,000		150,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
4	Trục đường 3	Ngã 4 chợ +150m	Ngã 3 đôi cà chít (nhà ông Kỳ)	100,000		150,000
		Ngã 3 đôi cà chít (nhà ông Kỳ)	Giáp địa giới xã DiênYang	50,000	50,000	
5	Khu dân cư có đường > 3,5m theo quy hoạch.			20,000		25,000
6	Khu dân cư còn lại			15,000		20,000
VI	XÃ EAKHÁL					
1	Quốc lộ 14	Từ ngã 3 Thủy điện	+300m về phía Ea Nam (N.ông Sáu)	250,000		400,000
		+300m về phía Ea Nam (N.ông Sáu)	Giáp địa giới xã Ea Nam	150,000	150,000	
2	Đường Liên xã	UBND xã Ea Khăl	Giáp địa giới thị trấn Ea Đrăng	150,000		250,000
		UBND xã Ea Khăl	Ngã 3 (Nhà bà Mão)	100,000		180,000
		Ngã 3 (Nhà bà Mão)	Cầu lò Gạch (gần nhà ông Dũng)	70,000	70,000	
		Cầu lò gạch	Ngã 3 rừng nửa			90,000
		Ngã 3 cây khế thôn 8	Hết ranh giới giáp xã Cư Mốt			100,000
		Ngã 3 (Nhà bà Mão)	Sân bóng Buôn Đung			150,000
		Ngã 3 nhà ông Y Mạnh	Sân bóng Buôn Đung			150,000
		Sân bóng Buôn Đung	Ngã 3 cây khế thôn 8			100,000
		Hội trường thôn 9	Hội trường thôn 12			100,000
3	Khu vực Cư K'tây	Hội trường thôn 12	Hết vườn nhà ông Kim	100,000	100,000	
		Hết vườn nhà ông Kim	Hết trường Tiểu học Cư K'tây	250,000	250,000	
		Hết trường Tiểu học Cư K'tây	Cầu ông Thịnh	100,000		150,000
		Cầu ông Thịnh	Hết ranh giới giáp xã Cư Mốt			
4	Đường giao thông > 3,5m theo quy hoạch			50,000		70,000
5	Khu dân cư còn lại			30,000		30,000
VII	XÃ CƯ AMUNG					
1	Đường liên huyện	UBND xã	Nhà ông Ng Văn Mông (CT HĐND xã)	150,000		200,000
		Nhà ông Ng Văn Mông (CT HĐND xã)	Cầu xã Ea Wy	120,000		150,000
		UBND xã	Hết trường TH Lê Đình Chinh	120,000		200,000
		Trường TH Lê Đình Chinh	Hết Buôn Tơ Roa	100,000		120,000
2	Đường liên xã	Cầu bằng lằng	Phân trường Ea Wy			110,000
		Phân trường Ea Wy	Giáp địa giới xã Cư Mốt	80,000	80,000	
3	Đường liên thôn	Ngã 3 Sơn Kiếm	Sinh Hà Dung	60,000	60,000	
		Nhà ông Ng Văn Mông (CT HĐND xã)	+ 800m về hướng Bắc			50,000
4	Khu dân cư còn lại			20,000		40,000
VIII	XÃ EAWY					

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
1	Đường liên huyện	Ngã 3 chợ Ea Wy (đi về Cư Mốt)	Ngã 3 cây xoài	400,000		450,000
		Ngã 3 cây xoài	Hết nhà ông Hà Văn Thiên	220,000		300,000
		Hết nhà ông Hà Văn Thiên	Giáp địa giới xã Cư Mốt	200,000		250,000
		Ngã 3 chợ Ea Wy	Cầu Ea Wy	420,000		450,000
2	Đường liên xã	Ngã 3 cây xoài	Nhà ông Trinh	150,000		250,000
		Nhà ông Trinh	Cầu Bằng lăng	150,000		200,000
3	Đường liên thôn	Ngã 3 chợ Ea Wy	Trường Trần Quốc Toàn	375,000		400,000
		Trường Trần Quốc Toàn	Cầu sắt	375,000	375,000	
		Cầu sắt	Ngã 3 Bảy Đạo	180,000		200,000
		Ngã 3 Bảy Đạo	Sân kho lương thực cũ (1000m)	120,000		150,000
		Sân kho lương thực cũ (1000m)	Tỉnh lộ 19 B	80,000		120,000
4	Đường liên thôn	Đầu thôn 7 B	Đầu thôn 1A	100,000	100,000	
5	Khu dân cư có đường > 3,5m theo quy hoạch.			60,000	60,000	
6	Khu dân cư còn lại			30,000	30,000	
IX	XÃ CƯ MỐT					
1	Đường liên Huyện	Từ UBND xã Cư Mốt (hướng 92)	Giáp đất nhà Ông Khanh	200,000	200,000	
	EaHleo - EaSoup	Từ UBND xã Cư Mốt (hướng Eawy)	Ngã 4 Trạm xá xã	250,000		300,000
		Ngã 4 Trạm xá xã	Giáp đất nhà ông Thái	200,000	200,000	
		Giáp đất nhà ông Thái (hướng Ea Wy)	Giáp địa giới xã Ea Wy	100,000		150,000
		Giáp đất nhà Ông Khanh (hướng 92)	Hết địa giới xã Cư Mốt	100,000	100,000	
2	Đường liên thôn	Ngã 3 xưởng cưa	Ngã 3 nhà Ông Tài	70,000	70,000	
		Ngã 3 cây sung	Ngã 4 trụ sở thôn 6A	70,000	70,000	
		Ngã 3 chợ Cư Mốt	Cầu qua thôn 4	70,000	70,000	
3	Khu dân cư có đường > 3,5m theo quy hoạch.			50,000	50,000	
4	Khu dân cư còn lại			30,000	30,000	
X	XÃ EAH'LEO					
1	Quốc lộ 14	UBND xã Ea H'leo (hướng BMT)	Ngã 3 vào suối Ea H'leo (nhà ông Thông)	300,000	300,000	
		Ngã 3 vào suối Ea H'leo (nhà ông Thông)	Nhà ông Trinh (CT UBND xã)			180,000
		Nhà ông Trinh (CT UBND xã)	Hết Hội trường thôn 8	200,000		200,000
		Hết Hội trường thôn 8	Giáp địa giới xã Ea Răl	150,000	150,000	
		UBND xã Ea H'leo (hướng cầu 110)	Ngã 3 vào Buôn Dang (Nhà ông Đoàn)	375,000		400,000
		Ngã 3 vào Buôn Dang (Nhà ông Đoàn)	Cty Lâm nghiệp Chư Phá	170,000		180,000
		Cty Lâm nghiệp Chư Phá	Xí nghiệp gỗ Thanh Nguyên	150,000	150,000	

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Xí nghiệp gỗ Thanh Nguyên	Cầu 110	170,000	170,000	
9	Khu dân cư có đường > 3,5m theo quy hoạch.			50,000	50,000	
10	Khu dân cư còn lại			30,000	30,000	
XI	XÃ EA RĂL					
1	Quốc lộ 14	Từ UBND xã Ea Răl (hướng cầu 110)	Cây xăng Ông Sáu Hùng	500,000		550,000
		Cây xăng Ông Sáu Hùng	Nhà ông Tam thôn phó (ngã 3 Cự Mốt-QL 14)	800,000		850,000
		Nhà ông Tam thôn phó (ngã 3 Cự Mốt-QL 14)	Đại lý Hùng Lê	300,000		400,000
		Từ UBND xã Ea Răl (hướng BMT)	Chợ 86 (giáp đường dây 500Kv)	500,000		550,000
		Chợ 86 (giáp đường dây 500Kv)	Cây xăng Tân Thành	500,000		550,000
		Cây xăng Tân Thành	Giáp địa giới thị trấn Ea Đrăng	500,000		750,000
2	Quốc lộ 14 còn lại			300,000		350,000
3	Đường vào xã Cự Mốt - Ea Wy	Ngã 3 QL 14	Nhà ông Nhân (đi dốc Heo)	200,000		300,000
		Nhà ông Nhân (đi dốc Heo)	Giáp địa giới xã Cự Mốt	200,000	200,000	
4	Đường vào Buôn Tùng Thắng	Ngã 3 QL 14	Cầu đá tràn	160,000	160,000	
5	Khu dân cư có đường > 3,5m theo quy hoạch.			75,000		90,000
6	Khu dân cư còn lại			50,000		60,000